

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH
(Áp dụng từ khóa 2017)

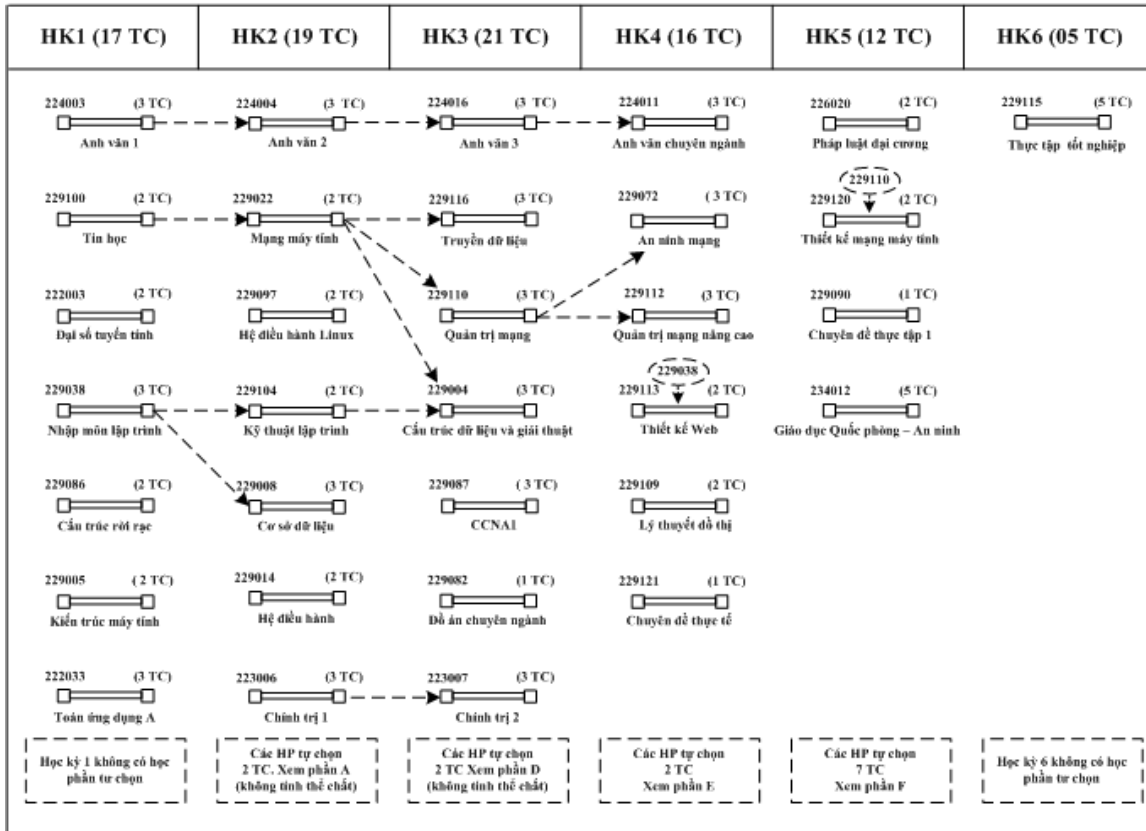
Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 17 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			17	
1	222033	Toán ứng dụng A	3	
2	224003	Anh văn 1	3	
3	229100	Tin học	2	
4	229005	Kiến trúc máy tính	2	
5	229038	Nhập môn lập trình	3	
6	222003	Đại số tuyến tính	2	
7	229086	Cấu trúc rời rạc	2	
Học kỳ 2: 19 Tín chỉ (không kể học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			17	
8	224004	Anh văn 2	3	
9	223006	Chính trị 1	3	
10	229104	Kỹ thuật lập trình	2	
11	229008	Cơ sở dữ liệu	3	
12	229097	Hệ điều hành Linux	2	
12	229014	Hệ điều hành	2	
13	229022	Mạng máy tính	2	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			2	
14.1	234002	Bóng chuyền 1	2	
14.2	234006	Bóng đá 1	2	
14.3	234007	Bóng rổ 1	2	
14.4	234008	Cầu lông 1	2	
14.5	234009	Aerobic 1	2	
Học phần tự chọn			2	
15.1	229030	Tin học văn phòng	2	
15.2	222024	Xác suất thống kê	2	
15.3	226036	Tâm lý học đại cương	2	
15.4	222010	Logic học đại cương	2	
Học kỳ 3: 21 Tín chỉ (không kể học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			19	
16	224016	Anh văn 3	3	
17	223007	Chính trị 2	3	
18	229116	Truyền dữ liệu	3	
19	229110	Quản trị mạng	3	
20	229004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	

21	229087	CCNA 1	3	
22	229082	Đồ án chuyên ngành (Mạng máy tính)	1	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			2	
23.1	234003	Bóng chuyền 2	2	
23.2	234010	Bóng đá 2	2	
23.3	234011	Bóng rổ 2	2	
23.4	234013	Cầu lông 2	2	
23.5	234014	Aerobic 2	2	
Học phần tự chọn			2	
24.1	226017	Môi trường và con người	2	
24.2	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
24.3	226035	Soạn thảo văn bản	2	
24.4	222017	Tiếng Việt thực hành B	2	
Học kỳ 4: 16 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			14	
25	224011	Anh văn chuyên ngành (Tin học)	3	
26	229121	Chuyên đề thực tế	1	
27	229112	Quản trị mạng nâng cao	3	
28	229072	An ninh mạng	3	
29	229109	Lý thuyết đồ thị	2	
30	229113	Thiết kế Web	2	
Học phần tự chọn			2	
31.1	229008	Hệ quản trị SQL Server	2	
31.2	229108	Lập trình shell	2	
31.3	229111	Quản trị mạng linux	2	
Học kỳ 5: 12 Tín chỉ (không kể học phần GDQP)				
Học phần bắt buộc			5	
32	226020	Pháp luật đại cương	2	
33	229090	Chuyên đề thực tập 1	1	
34	229120	Thiết kế mạng máy tính	2	
35	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	
Học phần tự chọn			2	
36.1	229085	Bảo trì hệ thống mạng	2	
36.2	229084	Bảo mật Internet	2	
36.3	229096	Công nghệ ảo hóa	2	
Học phần tự chọn			5	
37.1	229077	Khóa luận tốt nghiệp	5	
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>				
37.2	229119	CCNA 2	3	
37.3	229075	Quản trị Web-Mail server	2	

Học kỳ 6: 5 Tín chỉ

Học phần bắt buộc			5	
38	229115	Thực tập tốt nghiệp	5	

CÂU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRUYỀN THÔNG & MẠNG MÁY TÍNH (90 TC) (Dùng cho khối Cao Đẳng 2017)



CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

